



Chương 6
CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

cuu duong than cong . com

cuu duong than cong . com

Giới thiệu chung

Cán cân thanh toán quốc tế (BoP)

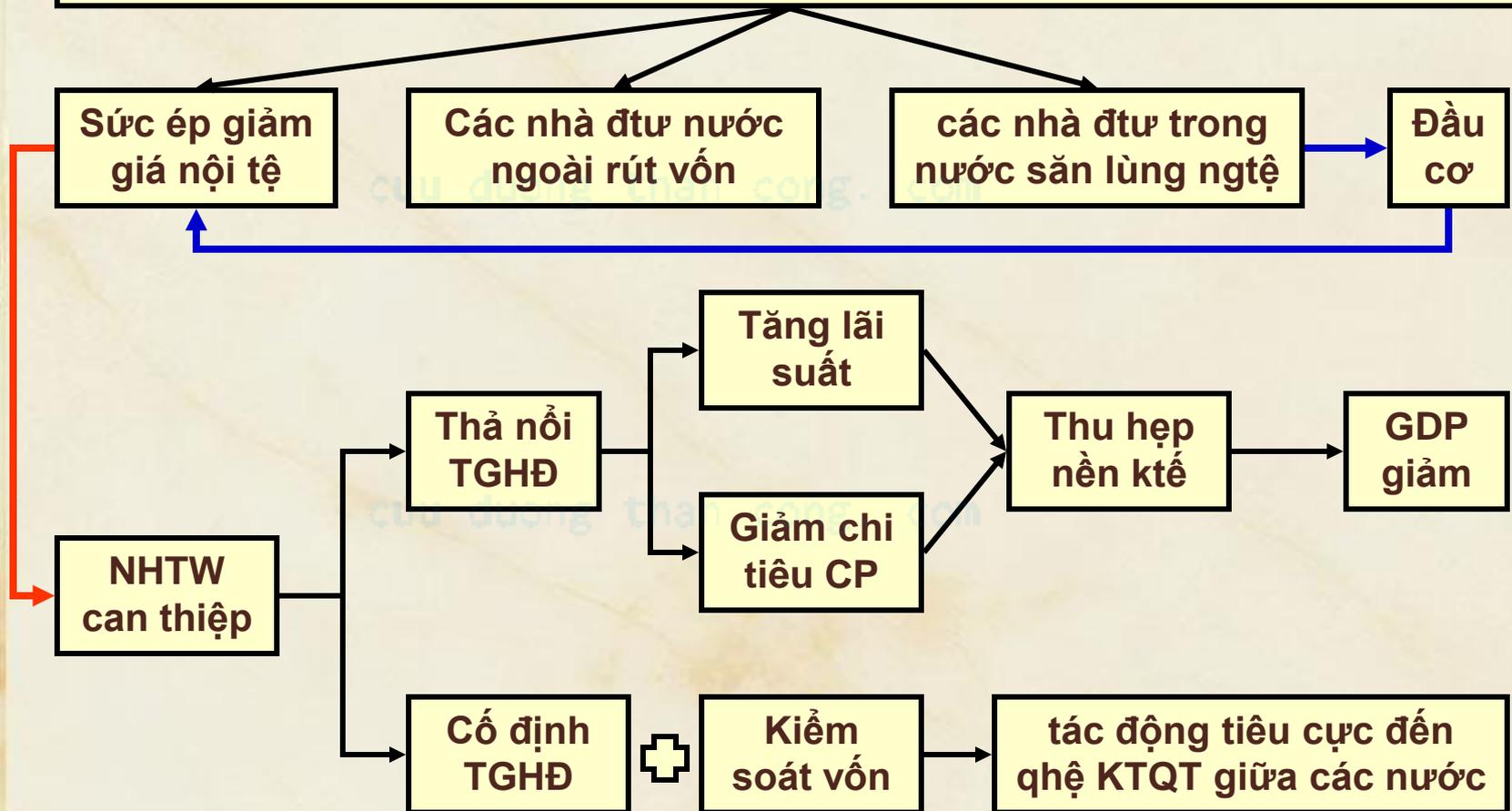
Chỉ số kt vĩ mô qtrọng đối với các nhà hoạch định cs kt trong một nền kt mở

Được theo dõi chặt chẽ

Có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế

Giới thiệu chung

Ví dụ: đầu năm 1990, BoP của Thái Lan liên tục thâm hụt (BoP < 0)
năm 1995: 8.1% GDP
năm 1996: 8.2% GDP



Giới thiệu chung

- ✓ khái niệm cơ bản về cán cân thanh toán quốc tế
- ✓ cơ cấu và ý nghĩa của các tài khoản
- ✓ mối qhệ giữa BoP với các chỉ số kinh tế vĩ mô
 - tiết kiệm
 - đầu tư
 - thu nhập quốc dân
 - thâm hụt ngân sách.

cuu duong than cong . com

Khái niệm cơ bản về BoP

sự trao đổi tự nguyện quyền sở hữu H hoặc dịch vụ hoặc tài sản tài chính

BoP: bảng thống kê tất cả những giao dịch kinh tế giữa những người cư trú của một nước với những người cư trú của các nước khác (những người không cư trú) trong một thời kỳ nhất định, thường là một năm

những thể nhân hoặc pháp nhân, cư trú ở quốc gia đang được xem xét nhiều hơn 1 năm, không phụ thuộc vào quốc tịch của họ.

Lưu ý: các nhà ngoại giao, các chuyên gia quân sự ở bên ngoài lãnh thổ của họ cũng như các tổ chức quốc tế không phải là người cư trú của nước, nơi mà họ đang làm việc.

Quà tặng và những di chuyển đơn phương khác (đối với những giao dịch không đòi hỏi thanh toán) cũng được đưa vào BoP

Khái niệm cơ bản về BoP

Theo Pháp lệnh Ngoại hối của Việt Nam

Người cư trú là tổ chức, cá nhân thuộc các đối tượng sau đây:

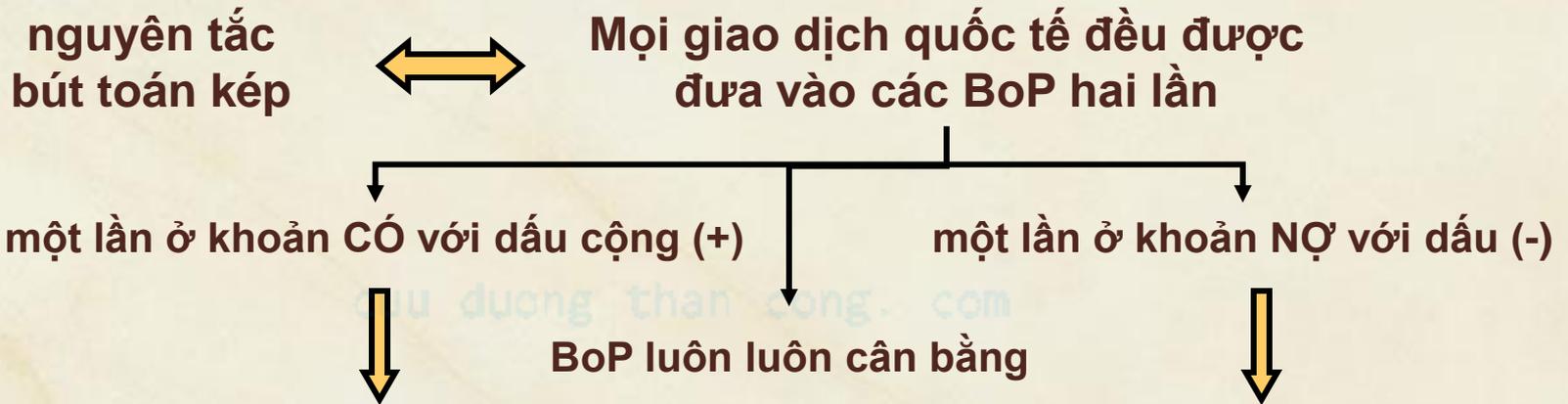
- a) Tổ chức tín dụng được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam
- b) Tổ chức kinh tế được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam trừ đối tượng quy định tại điểm a khoản này
- c) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động tại Việt Nam;
- d) Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam tại nước ngoài;

Khái niệm cơ bản về BoP

- đ) Văn phòng đại diện tại nước ngoài của các tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;
- e) Công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam; công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có thời hạn dưới 12 tháng; công dân Việt Nam làm việc tại các tổ chức quy định tại điểm d và điểm đ khoản này và cá nhân đi theo họ;
- g) Công dân Việt Nam đi du lịch, học tập, chữa bệnh và thăm viếng ở nước ngoài;
- h) Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có thời hạn từ 12 tháng trở lên, trừ các trường hợp người nước ngoài học tập, chữa bệnh, du lịch hoặc làm việc cho cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự, văn phòng đại diện của các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam

Người không cư trú là các đối tượng không quy định tại điều trên

Nguyên tắc bút toán của BoP



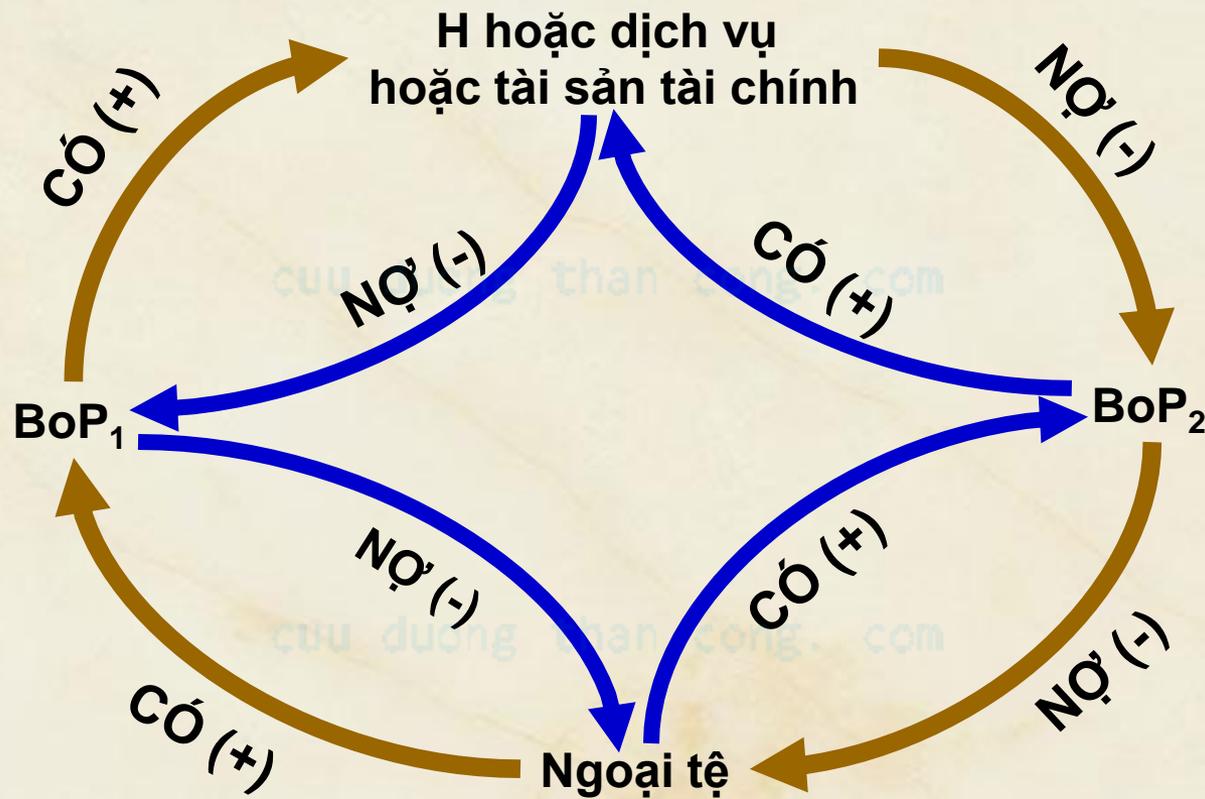
- bao gồm các giao dịch mà kquả của chúng là những khoản ngtệ nhận được do những người ko cư trú thanh toán cho

- là sự chảy ra của dòng H hoặc dịch vụ hoặc tài sản tài chính đồng thời với sự chảy vào của dòng ngtệ

- bao gồm các giao dịch mà kquả của chúng là những khoản ngtệ phải thanh toán cho những người ko cư trú

- là sự chảy vào của dòng H hoặc dịch vụ hoặc tài sản tài chính đồng thời với sự chảy ra của dòng ngtệ

Nguyên tắc bút toán của BoP



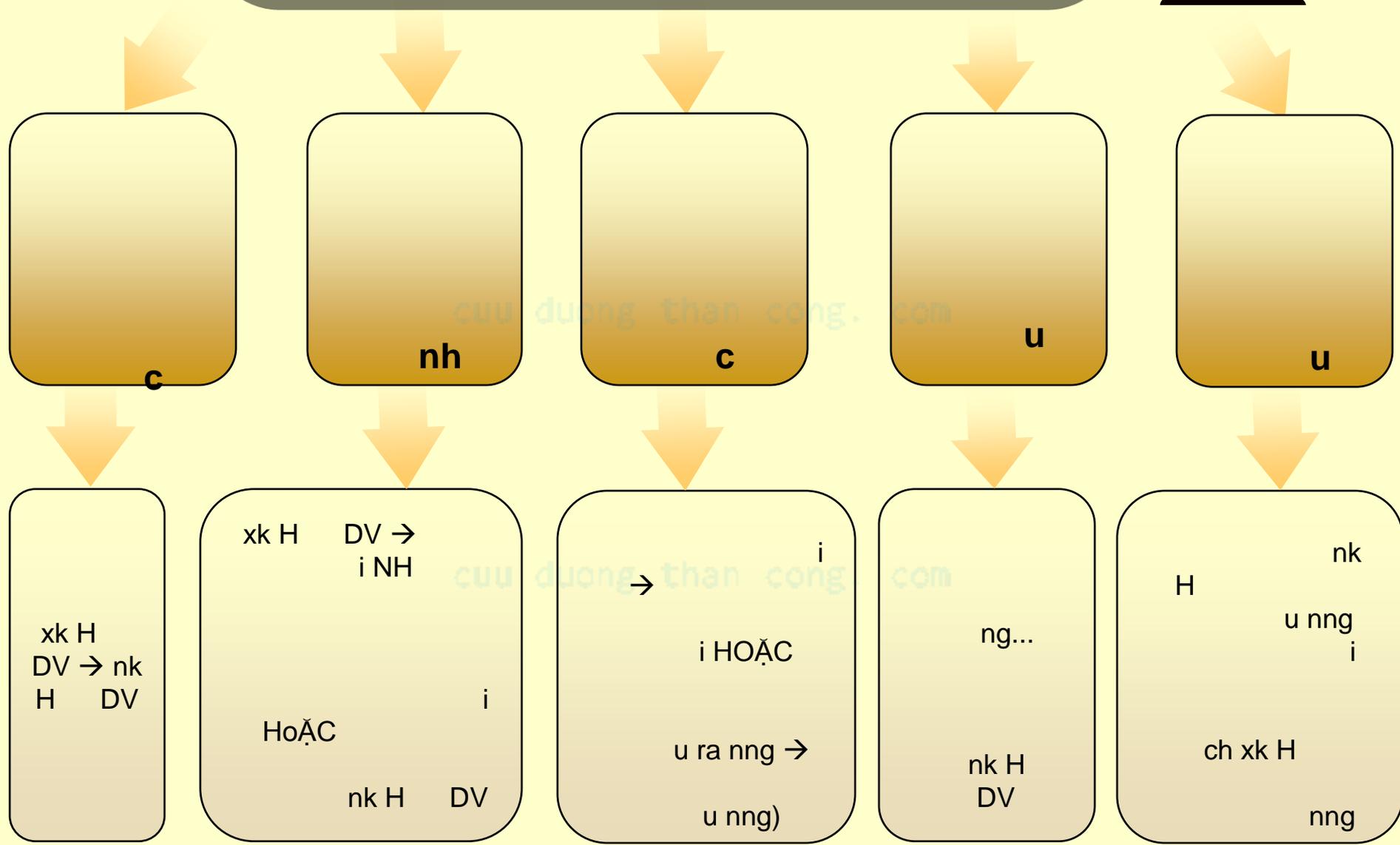
n



o BoP?

- Mỗi một giao dịch giữa những người cư trú và những người không cư trú bao giờ cũng có hai mặt: tiếp nhận và chi trả.
 - Nếu bạn mua một hàng hoá hoặc dịch vụ nào đó của những người không cư trú thì bạn phải thanh toán tiền cho họ, đến lượt mình, những người đó, bằng một cách nào đó, phải chi tiêu hay tiết kiệm khoản tiền đó.

Các giao dịch đặc trưng



Cơ cấu BoP

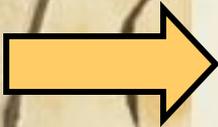


Tài khoản vãng lai – CA (Current account)

CA: ghi nhận tất cả các giao dịch có liên quan đến:

- di chuyển hàng hoá, dịch vụ
-
- nh
- dịch chuyển đơn phương

giữa những người
cư trú và những
người không cư trú



QG →

n giao

ng NKCT

t

u

Tài khoản vãng lai - CA

- **Kết cấu**

- Hàng hóa và dịch vụ
- Thu nhập
 - Thu nhập của người lao động
 - Thu nhập về đầu tư
- Dịch chuyển đơn phương ròng

Hạch toán CA

KHOẢN CÓ

Xk hàng hóa và dịch vụ (những khoản nhận được do thực hiện các dịch vụ về du lịch, vận tải, bảo hiểm, tài chính... cho những người không cư trú)

thu nhập từ đầu tư (lợi nhuận có được từ đầu tư trực tiếp ở nước ngoài hoặc cổ tức, trái tức từ đầu tư gián tiếp ở nước ngoài hoặc lợi tức từ những khoản cho những người không cư trú vay) và tiền lương của người lao động

dịch chuyển đơn phương vào trong nước của những người không cư trú cho những người cư trú (người không cư trú chuyển tiền cho người thân là người cư trú, viện trợ quốc tế ...) cho mục đích tiêu dùng

Hạch toán CA

KHOẢN NỢ

Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ (những khoản phải thanh toán do sử dụng các dịch vụ về du lịch, vận tải, bảo hiểm, tài chính... do những NKCT cung cấp)

Thanh toán cho đầu tư (thanh toán lợi nhuận cho đầu tư trực tiếp nước ngoài hoặc cổ tức, trái tức cho đầu tư gián tiếp vào trong nước hoặc lợi tức cho những khoản vay từ những người không cư trú) và tiền lương cho người lao động là những người KCT

dịch chuyển đơn phương ra bên ngoài của những người cư trú cho những người không cư trú (chuyển tiền cho người thân là người không cư trú, viện trợ quốc tế ...) cho mục đích tiêu dùng

Tài khoản vãng lai

xuất khẩu hàng hoá



nhập khẩu hàng hoá



cán cân thương mại hữu hình (Visible Balance) hay XK H ròng (Net Export)

Xuất khẩu dịch vụ



Nhập khẩu dịch vụ



thu nhập từ đầu tư ròng (thu nhập từ đtư - thu nhập toán cho đtư)



cán cân thương mại vô hình (Invisible Balance)

cán cân thương mại

$> 0 \rightarrow$ thặng dư cán cân thương mại

$< 0 \rightarrow$ thâm hụt cán cân thương mại

Tài khoản vãng lai – Lưu ý

CA: biểu thị dòng thu nhập của một nước

thu nhập từ XK H, dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ sd vốn) và dịch chuyển đơn phương vào trong nước > những khoản phải thanh toán cho NK H, dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ sd vốn) và dịch chuyển đơn phương ra nước ngoài

thặng dư tài khoản vãng lai
 $CA > 0$

thu nhập từ XK H, dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ sd vốn) và dịch chuyển đơn phương vào trong nước < những khoản phải thanh toán cho NK H, dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ sd vốn) và dịch chuyển đơn phương ra nước ngoài

thâm hụt tài khoản vãng lai
 $CA < 0$

Nguyên tắc bút toán của BoP cho thấy, thặng dư hay thâm hụt của CA sẽ được cân bằng bởi thâm hụt hay thặng dư của KA.

Tài khoản vãng lai – Ý nghĩa

CA > 0

QG đang TD H và dịch vụ của nước ngoài < lượng H và dịch vụ mà nước đó cung cấp cho các nước khác

tài sản nước ngoài của QG tăng lên hay nợ nước ngoài của nước đó giảm xuống

TGHD thả nổi: nội tệ tăng giá
TGHD cố định: nội tệ bị sức ép lên giá

CA < 0

QG đang TD H và dịch vụ của nước ngoài > lượng H và dịch vụ mà nước đó cung cấp cho các nước khác

tài sản nước ngoài của QG giảm xuống hay nợ nước ngoài của nước đó tăng lên

TGHD thả nổi: nội tệ giảm giá
TGHD cố định: nội tệ bị sức ép giảm giá

Điều kiện khác không đổi

Tài khoản vốn và tài chính - KA

Ghi nhận tất cả các giao dịch có liên quan đến sự di chuyển vốn giữa những người cư trú và không cư trú.

Dòng vốn chảy vào trong nước
(Capital Inflow)

Dòng vốn chảy ra nước ngoài
(Capital Outflow)

FDI

FPI

Vay

bất động sản

Người nước ngoài mua

Mua ở nước ngoài

Tài khoản vốn và tài chính - KA

•

ng

n

cuu duong than cong. com

nh

•

ng NKCT →

n giao

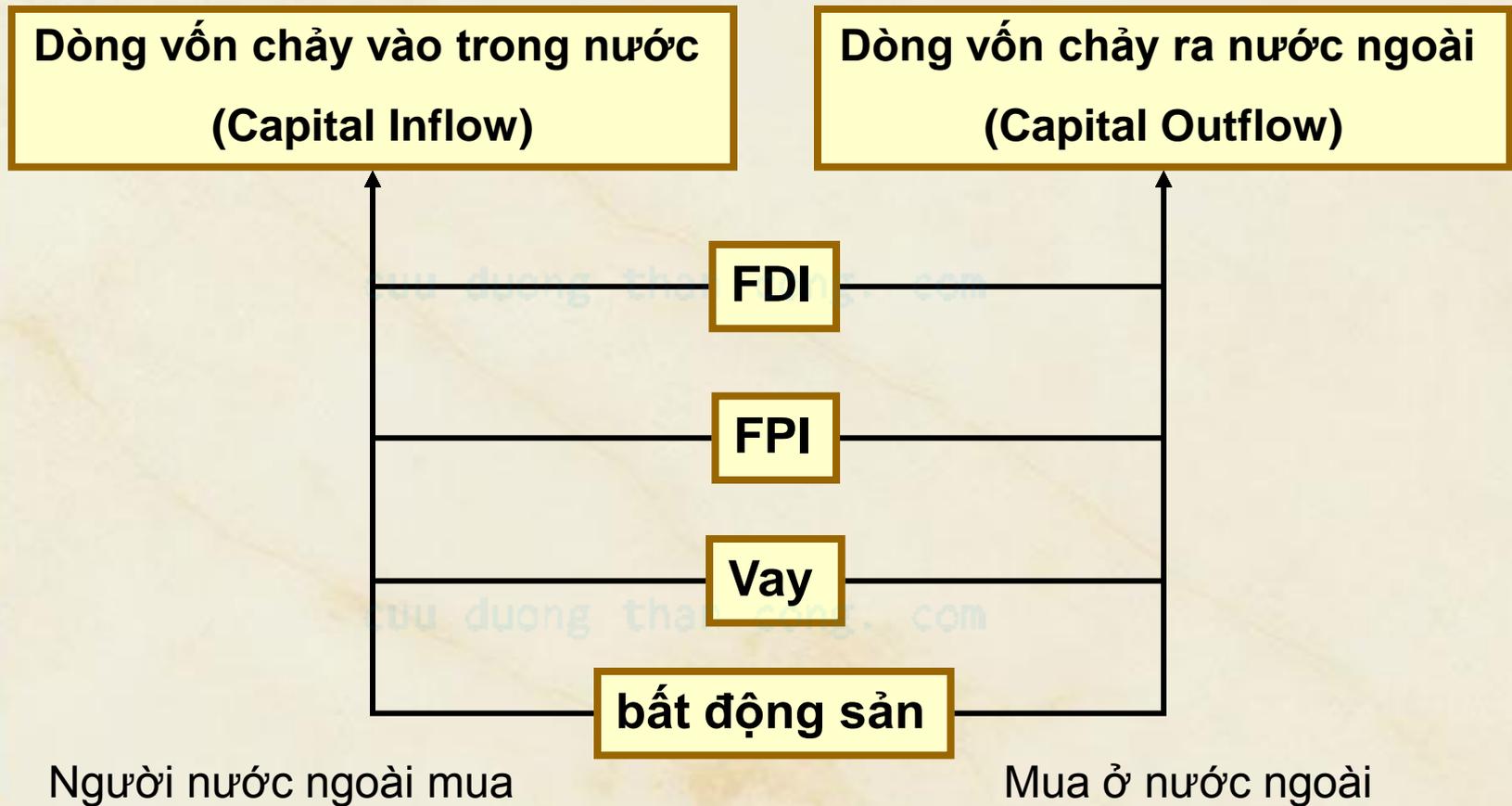
ng

cuu duong than cong. com

n).

- n
 - m
 - nh
 - , viện trợ không hoàn lại cho mục đích đầu tư
 -
 -
- nh
 - p
 - p
 - c
 -

Tài khoản vốn và tài chính - KA



Tài khoản vốn và tài chính - KA



Tài khoản vốn và tài chính - KA

Theo tính chất, dòng vốn có thể là:

- ngắn hạn (với thời hạn dưới 12 tháng)
- dài hạn (với thời hạn ít nhất là 12 tháng)

Theo nguồn gốc, dòng vốn có thể được bắt nguồn từ:

- khu vực tư nhân
- khu vực chính quyền

liên quan đến việc mua bán tài sản dự trữ chính thức của NHTW

vào BoP của Việt Nam

ch sau



1.

100 tr USD.

2.

3.

cuu duong than cong. com

4.

thiên tai

5.

cuu duong than cong. com

6.

Cán cân thanh toán



Theo nguyên tắc bút toán kép: $CA + KA = 0$

NHƯNG: thực tế: $CA + KA \neq 0$

→ để cân bằng BoP người ta đã đưa ra một khoản mục, (thường nằm trong KA): sai số, bỏ sót và không chính xác trong thống kê.

TẠI SAO HẠNG MỤC NÀY TỒN TẠI?

Những sai số, bỏ sót và không chính xác trong thống kê

Nguyên nhân tồn tại

không thể ghi nhận được tất cả các giao dịch kinh tế giữa những NCT và NKCT

số liệu về BoP được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau

nhiều giao dịch trong tài khoản vốn bị đánh giá thấp hơn giá trị thực của nó

bao gồm cả những giao dịch không tiện kể ra trên phương diện quốc gia

a BoP (IMF)



1. CURRENT ACCOUNT

A. Goods and services

B. Income

1. Compensation of employees
2. Investment income

C. Current transfers

1. Government transfers (in cash or in kind)
2. Other current transfers

2. CAPITAL AND FINANCIAL ACCOUNT

A. Capital Account

1. Capital transfers
2. Acquisition/disposal of non-produced, non-financial assets

B. Financial Account

1. Direct investment
 - Abroad
 - In economy
2. Portfolio investment
 - Assets
 - Liabilities
3. Other investment
 - Assets
 - Liabilities
4. Reserve assets

Ví dụ (BPM6)

a BoP

Balance of payments:

	Credits	Debits	Balance
Current account			
Goods	462	392	70
Services	78	107	-29
Goods and services	540	499	41
Compensation of employees	6	2	
Interest	13	21	
Distributed income of corporations	36	17	
Reinvested earnings	14	0	
Primary income	69	40	29
Current taxes on income, wealth, etc.	1	0	
Net nonlife insurance premiums	2	11	
Nonlife insurance claims	12	3	
Current international transfers	1	31	
Miscellaneous current transfers	1	10	
Secondary income	17	55	-38
Current account balance			32

Ví dụ (BPM6)

a BoP

Capital account			
Acquisitions/disposals of nonproduced assets	0	0	
Capital transfers	1	4	
Capital account balance			-3
Net lending (+) / net borrowing (-) (from current and cap. accounts)			29
Financial account (by functional category)	Net acquisition of financial assets	Net incurrence of liabilities	Balance
Direct investment	-4	8	
Portfolio investment	17	7	
Financial derivatives (other than reserves) and ESOs	3	0	
Other investment	42	22	
Reserve assets	8		
Total changes in assets/liabilities	66	37	
Net lending(+) / net borrowing(-) (from financial account)			29
Net errors and omissions			0

Table 1. U.S. International Transactions (Millions of dollars) (credits +, debits -)

<http://www.bea.gov/>

Line	(Credits +; debits -) 1	2008
	Current account	
1	Exports of goods and services and income receipts	2,591,233
2	Exports of goods and services	1,826,596
3	<u>Goods, balance of payments basis</u>	1,276,994
4	<u>Services</u>	549,602
12	Income receipts	764,637
13	Income receipts on U.S.-owned assets abroad	761,593
14	Direct investment receipts	370,747
15	Other private receipts	385,940
16	U.S. government receipts	4,906
17	Compensation of employees	3,044

BoP của Mỹ năm 2008 (tr. USD)

(credits +, debits -) <http://www.bea.gov/>

Line	<u>(Credits +; debits -) 1</u>	2008
18	Imports of goods and services and income payments	-3,168,938
19	Imports of goods and services	-2,522,532
20	<u>Goods, balance of payments basis</u>	-2,117,245
21	<u>Services³</u>	-405,287
29	Income payments	-646,406
30	Income payments on foreign-owned assets in the US	-636,043
31	Direct investment payments	-120,862
32	Other private payments	-349,871
33	U.S. government payments	-165,310
34	Compensation of employees	-10,364
35	Unilateral current transfers, net	-128,363

BoP của Mỹ năm 2008 (tr. USD)

(credits +, debits -) <http://www.bea.gov/>

Line	<u>(Credits +; debits -) 1</u>	2008
	Capital account	
39	Capital account transactions, net	953
	Financial account	
40	U.S.-owned assets abroad, excluding financial derivatives (increase/financial outflow (-))	-106
41	U.S. official reserve assets	-4,848
46	U.S. government assets, other than official reserve assets	-529,615
50	U.S. private assets	534,357
51	Direct investment	-332,012
52	Foreign securities	60,761
53	U.S. claims on unaffiliated foreigners reported by U.S. nonbanking concerns	372,229
54	<u>U.S. claims reported by U.S. banks and securities brokers</u>	433,379

BoP của Mỹ năm 2008 (tr. USD)

(credits +, debits -)

Line	<u>(Credits +; debits -) 1</u>	2008
55	Foreign-owned assets in the United States, excluding financial derivatives (increase/financial inflow (+))	534,071
56	Foreign official assets in the United States	487,021
57	U.S. government securities	543,498
60	<u>Other U.S. government liabilities¹¹</u>	8,626
61	U.S. liabilities reported by U.S. banks and securities brokers	-153,443
62	<u>Other foreign official assets¹²</u>	88,340
63	Other foreign assets in the United States	47,050
64	Direct investment	319,737
65	U.S. Treasury securities	196,619
66	U.S. securities other than U.S. Treasury securities	-126,737
67	U.S. currency	29,187
68	U.S. liabilities to unaffiliated foreigners reported by U.S. nonbanking concerns	-45,167
69	<u>U.S. liabilities reported by U.S. banks and securities brokers</u>	-326,589
70	Financial derivatives, net	-28,905
71	Statistical discrepancy (sum of above items with sign reversed)	200,055

BoP của Mỹ năm 2008 (tr. USD)

(credits +, debits -) <http://www.bea.gov/>

	Memoranda:	
72	Balance on goods (lines 3 and 20)	
73	Balance on services (lines 4 and 21)	
74	Balance on goods and services (lines 2 and 19)	
75	Balance on income (lines 12 and 29)	
76	Unilateral current transfers, net (line 35)	
77	<u>Balance on current account (lines 1, 18, and 35 or lines 74, 75, and 76)</u>	
	<u>Balance on financial account</u>	
71	Statistical discrepancy (sum of above items with sign reversed)	

BoP của Mỹ năm 2008 (tr. USD)

(credits +, debits -) <http://www.bea.gov/>

	Memoranda:	
72	Balance on goods (lines 3 and 20)	-840,252
73	Balance on services (lines 4 and 21)	144,316
74	Balance on goods and services (lines 2 and 19)	-695,936
75	Balance on income (lines 12 and 29)	118,231
76	Unilateral current transfers, net (line 35)	-128,363
77	<u>Balance on current account (lines 1, 18, and 35 or lines 74, 75, and 76)¹³</u>	-706,068
	<u>Balance on financial account</u>	505,060
71	Statistical discrepancy (sum of above items with sign reversed)	200,055

Nhận xét

- Năm 2008, CA của Mỹ bị thâm hụt 700 tỷ \$. Do dịch chuyển đơn phương là tương đối nhỏ và thu nhập đầu tư có thể được hiểu là khoản thanh toán cho dịch vụ nên có thể nói rằng thâm hụt CA nghĩa là nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ vượt quá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ
- Mỹ nhập khẩu nhiều hàng hóa hữu hình hơn xuất khẩu
- Mỹ xuất khẩu nhiều dịch vụ hơn nhập khẩu dịch vụ
- Người Mỹ kiếm được nhiều tiền từ các khoản đầu tư ở nước ngoài hơn là người nước ngoài kiếm được tiền từ các khoản đầu tư của họ ở Mỹ
- KA thặng dư có nghĩa là người nước ngoài đang mua nhiều tài sản Mỹ hơn là người cư trú Mỹ mua các tài sản nước ngoài. Các khoản mua tài sản này, một phần, thể hiện vay mượn quốc tế. KA thặng dư có nghĩa là Mỹ đang vay mượn từ các nước khác trên thế giới.
- Sai số... nằm ở khoản nợ hàm ý rằng việc ghi nhận trong khoản có ở BoP vượt quá việc ghi nhận trong khoản nợ.



Bài tập về nhà

- Tìm số liệu về BoP của Việt Nam và cho nhận xét

Cán cân giao dịch dự trữ chính thức

Cán cân giao dịch dự trữ chính thức ghi nhận những giao dịch có liên quan đến hoạt động can thiệp của NHTW vào FX

NHTW sử dụng lượng dự trữ chính thức dưới dạng vàng, ngoại tệ, SDRs, dự trữ ở IMF hoặc vay nợ từ bên ngoài

Ví dụ, dưới chế độ TGHD cố định:

$CA + KA + \text{sai số} \dots < 0 \rightarrow$ sức ép giảm giá nội tệ xuất hiện
 \rightarrow NHTW sẽ phải bán ngoại tệ để duy trì sự ổn định của TGHD

$CA + KA + \text{sai số} \dots > 0 \rightarrow$ sức ép tăng giá nội tệ xuất hiện
 \rightarrow NHTW sẽ phải mua ngoại tệ để duy trì sự ổn định của TGHD

Cán cân giao dịch dự trữ chính thức



Dự trữ chính thức giảm khi NHTW bán ngoại tệ do nội tệ giảm giá → vào thời điểm đó, các tài khoản khác của BoP đang thâm hụt → sự tăng lên của dự trữ chính thức cần phải được ghi vào khoản có để đảm bảo cho sự cân bằng liên tục của BoP.

Dự trữ chính thức tăng khi NHTW mua ngoại tệ do nội tệ lên giá → vào thời điểm đó, các tài khoản khác của BoP đang thặng dư → sự tăng lên của dự trữ chính thức cần phải được ghi vào khoản nợ để đảm bảo cho sự cân bằng liên tục của BoP.

Table 5. U.S. Official Reserve Assets and Foreign Official Assets in the United States [Millions of dollars]

Line	(Credits +; decrease in U.S. assets or increase in foreign assets. Debits -; increase in U.S. assets or decrease in foreign assets.)	2008
A1	U.S. official reserve assets, net (table 1, line 41)	-4,848
2	Gold (table 1, line 42)	0
3	Special drawing rights (table 1, line 43)	-106
4	Reserve position in the International Monetary Fund (table 1, line 44)	-3,473
5	Foreign currencies (table 1, line 45)	-1,269
B1	Foreign official assets in the United States, net (table 1, line 56)	487,021
	By instrument:	
2	U.S. Treasury securities (table 1, line 58)	477,652
3	Bills and certificates	272,409
4	Bonds and notes, marketable	205,151
5	Bonds and notes, nonmarketable	92

Table 5. U.S. Official Reserve Assets and Foreign Official Assets in the United States [Millions of dollars]

Line	(Credits +; decrease in U.S. assets or increase in foreign assets. Debits - ; increase in U.S. assets or decrease in foreign assets.)	2008
6	Other U.S. government securities (table 1, line 59)	65,846
7	Other U.S. government liabilities (table 1, line 60)	8,626
8	U.S. liabilities reported by U.S. banks and securities brokers (table 1, line 61)	-153,443
9	<u>Liabilities for own accounts¹</u>	-34,047
10	Repurchase agreements	-39,311
11	<u>Deposits and brokerage balances²</u>	5,936
12	Other liabilities	-672
13	<u>Liabilities for customers' accounts¹</u>	-119,396
14	Negotiable certificates of deposit and other short-term instruments	-118,398
15	Other liabilities	-998
16	Other foreign official assets (table 1, line 62)	88,340

Table 5. U.S. Official Reserve Assets and Foreign Official Assets in the United States [Millions of dollars]

Line	(Credits +; decrease in U.S. assets or increase in foreign assets. Debits -; increase in U.S. assets or decrease in foreign assets.)	2008
	By area:	
17	Europe	-26,320
18	Canada	1,511
19	Latin America and Caribbean	16,919
20	Asia	477,997
21	Africa	9,785
22	Other	7,129

Cán cân giao dịch dự trữ chính thức

Dưới chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi, dự trữ chính thức sẽ không thay đổi. Bởi vì sự thay đổi của tỷ giá hối đoái sẽ khiến cho các giao dịch tự điều chỉnh và cán cân thanh toán sẽ luôn đạt được mức cân bằng.

Tuy nhiên, trên thực tế, dưới chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý, hầu hết các ngân hàng Trung ương đều can thiệp vào thị trường ngoại hối do đó dự trữ chính thức cũng vẫn thường xuyên thay đổi.

cuuduongthancong.com



Các quan niệm khác nhau về thặng dư và thâm hụt của BoP

- BoP được lập theo nguyên tắc bút toán kép → về tổng thể BoP luôn cân bằng → khi nói đến BoP thặng dư hay thâm hụt nghĩa là nói đến thặng dư hay thâm hụt của một hay một nhóm các cán cân bộ phận nhất định trong BoP
- Cách xác định thặng dư hay thâm hụt BoP
 - Xác định thặng dư hay thâm hụt của từng cán cân bộ phận
 - Theo phương pháp tích lũy (đường kẻ)

Các quan niệm khác nhau về thặng dư và thâm hụt của BoP

Nguyên tắc
bút toán kép

BoP luôn
luôn cân bằng

ko có nghĩa là các tài khoản riêng biệt
của BoP cũng luôn luôn cân bằng

khi nói đến thặng dư hay thâm hụt của BoP các nhà kinh tế thường hàm ý
một tập hợp các khoản mục trong BoP

khoản mục tự định (Autonomous
Items or Above the Line Items)

bao gồm những giao dịch phát sinh
tự phát với mục đích kiếm lợi nhuận,
thu nhập hoặc tăng lợi ích

Thặng dư BoP xảy ra khi khoản có của khoản
mục tự định > khoản nợ của nó. Ngược lại
thâm hụt BoP xảy ra khi khoản nợ của khoản
mục tự định > khoản có của nó

khoản mục cân bằng (Accommodating
Items or Below the Line Items)

bao gồm những giao dịch ko
kèm theo sự vận động nào
của H, dịch vụ hay tài sản với
mục đích cân bằng sự chênh
lệch giữa khoản có và khoản
nợ của khoản mục tự định

Các quan niệm khác nhau về thặng dư và thâm hụt của BoP



khoản mục tự định

khoản mục cân bằng

rất khó xác định động cơ của nhiều giao dịch

dòng vốn ngắn hạn

chảy vào trong nước do lãi suất trong nước cao hơn so với lãi suất thế giới

chảy vào trong nước với mục đích tài trợ cho việc NK H và dịch vụ

Cán cân thương mại và CA (Trade Balance and Current Account Balance)

được coi là khoản mục tự định và trạng thái của cán cân này chính là trạng thái của BoP

Tài khoản vãng lai

CA > 0

CA < 0

QG đang tiêu dùng H và dịch vụ của nước ngoài ít hơn so với lượng H và dịch vụ mà nước đó cung cấp cho các nước khác

tài sản nước ngoài của QG tăng lên hay nợ nước ngoài của nước đó giảm xuống

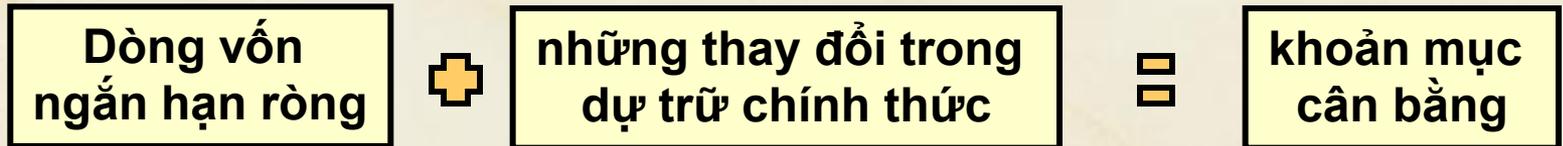
QG đang tiêu dùng H và dịch vụ của nước ngoài nhiều hơn so với lượng H và dịch vụ mà nước đó cung cấp cho các nước khác

tài sản nước ngoài của QG giảm xuống hay nợ nước ngoài của nước đó tăng lên

Cán cân cơ bản (The Basic Balance)



chính là khoản mục tự định



chế độ TGHD cố định

là một quan niệm hữu ích. Bởi vì đây chính là thành phần ổn định nhất trong BoP → những thay đổi mạnh trong cán cân cơ bản là dấu hiệu của những những thay đổi cơ bản trong BoP

Cán cân quyết toán chính thức (The Settlement Balance)

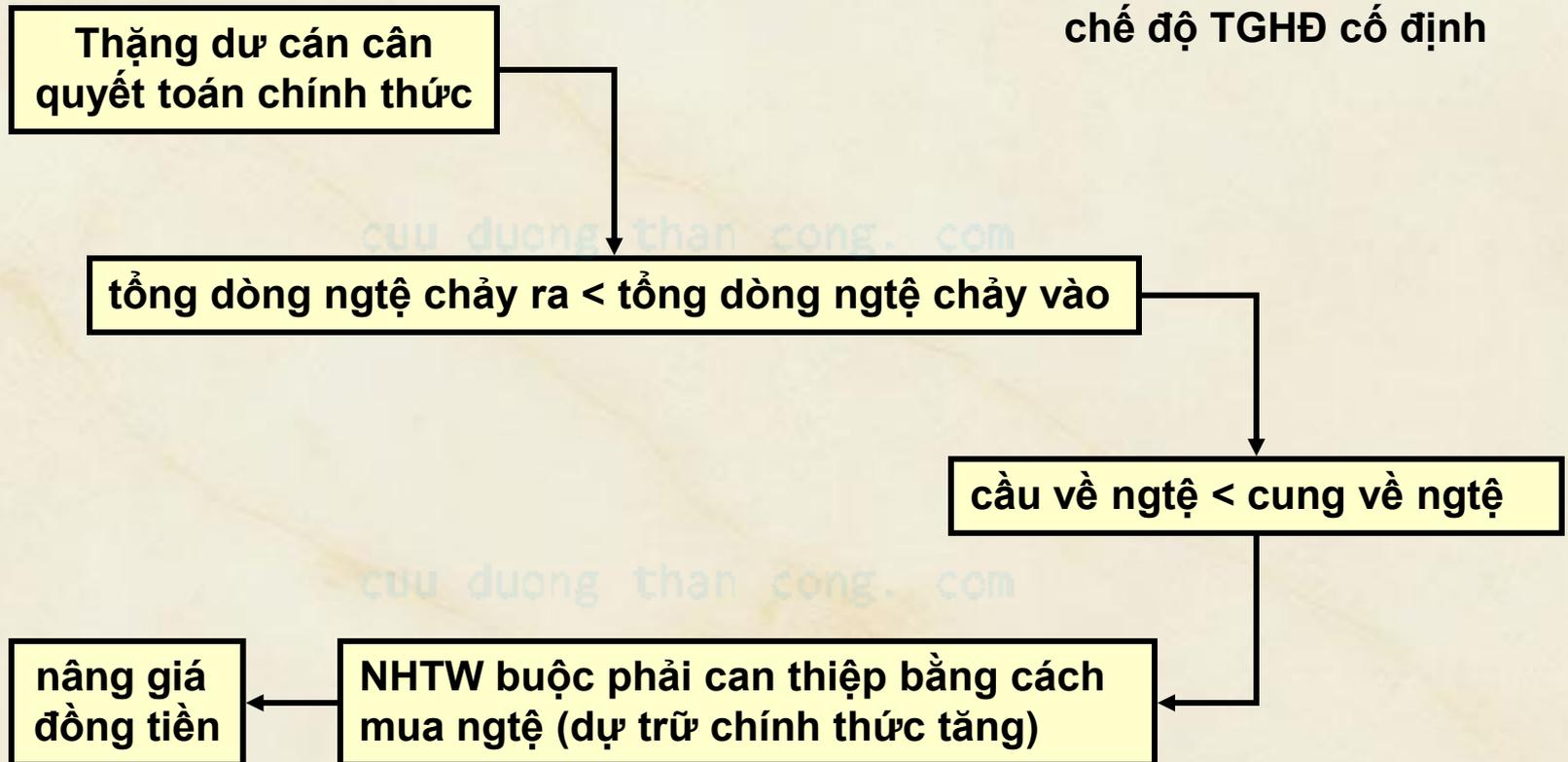


→ khoản mục tự định

⇒ Những thay đổi trong dự trữ chính thức là khoản mục cân bằng

Đây là quan niệm đặc biệt hữu ích dưới chế độ TGHĐ cố định. Bởi vì trạng thái của cán cân này thể hiện sức ép phá giá hay nâng giá đồng tiền đối với NHTW

Cán cân quyết toán chính thức (The Settlement Balance)





Cán cân quyết toán chính thức (The Settlement Balance)

Dưới chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi thuần túy, cán cân quyết toán chính thức ít có ý nghĩa bởi vì tỷ giá hối đoái sẽ thay đổi và các khoản mục trong cán cân thanh toán sẽ tự cân bằng mà không cần phải có sự thay đổi của dự trữ chính thức.

Tuy nhiên, trên thực tế, dưới chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý, các nước đều can thiệp vào thị trường ngoại hối → dự trữ vẫn thường xuyên thay đổi.

Nói cách khác, quan niệm về cán cân quyết toán chính thức vẫn là một quan niệm hữu ích và các nhà kinh tế, đầu tư cũng như hoạch định chính sách vẫn theo dõi cẩn thận những thay đổi trong dự trữ chính thức.

Cán cân thanh toán

Cán cân thương mại



Xuất khẩu hàng hóa



Nhập khẩu hàng hóa

Cán cân tài khoản vãng lai



Dịch chuyển đơn phương ròng



Cán cân TM hữu hình



Cán cân TM vô hình

Cán cân cơ bản



Cán cân tài khoản vãng lai



dòng vốn dài hạn ròng

Cán cân quyết toán chính thức



Cán cân tài khoản vãng lai



cán cân tài khoản vốn



những sai số, bỏ sót và...

n



**KHOẢN
NỢ**

p

nng
ng nng)

vay nng)

c gia

n



**KHOẢN
CÓ**

[Empty yellow box]

[Empty yellow box] **p**

[Empty yellow box] **nng
nng)**

[Empty yellow box] **(đi vay nng) nng**

[Empty yellow box] **i QG**



Tài khoản vãng lai và các chỉ số kinh tế vĩ mô khác của nền kinh tế

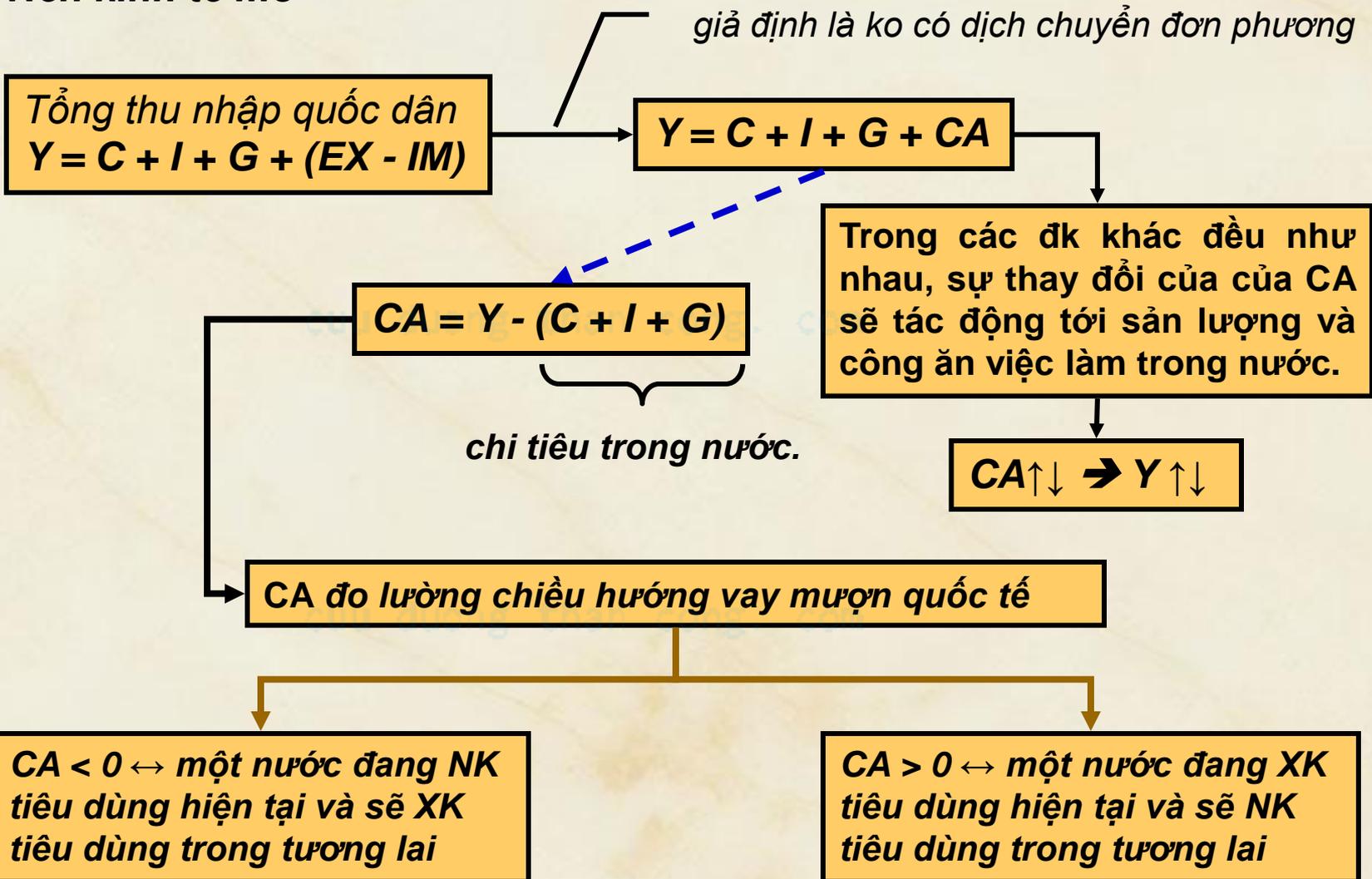
Thu nhập quốc dân và tài khoản vãng lai

Tiết kiệm và tài khoản vãng lai

Tiết kiệm tư nhân, tiết kiệm chính phủ và tài khoản vãng lai

Thu nhập quốc dân và CA

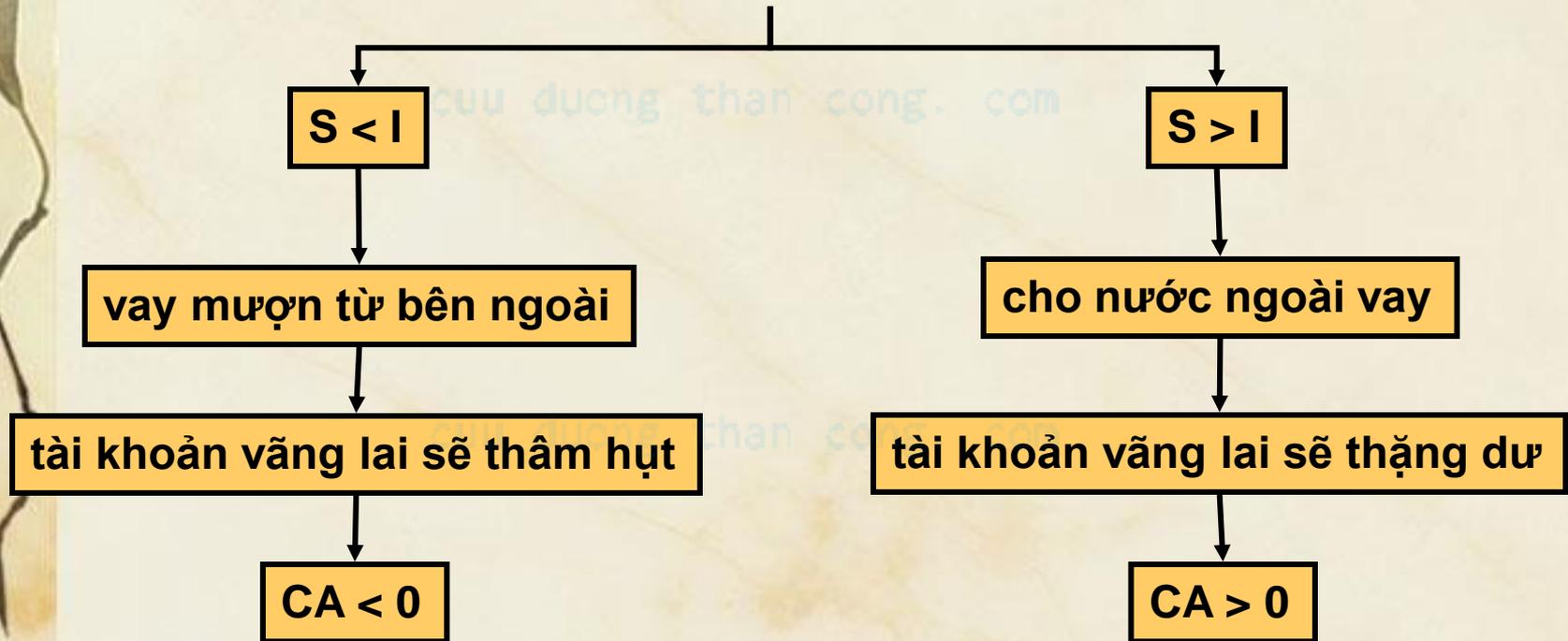
Nền kinh tế mở



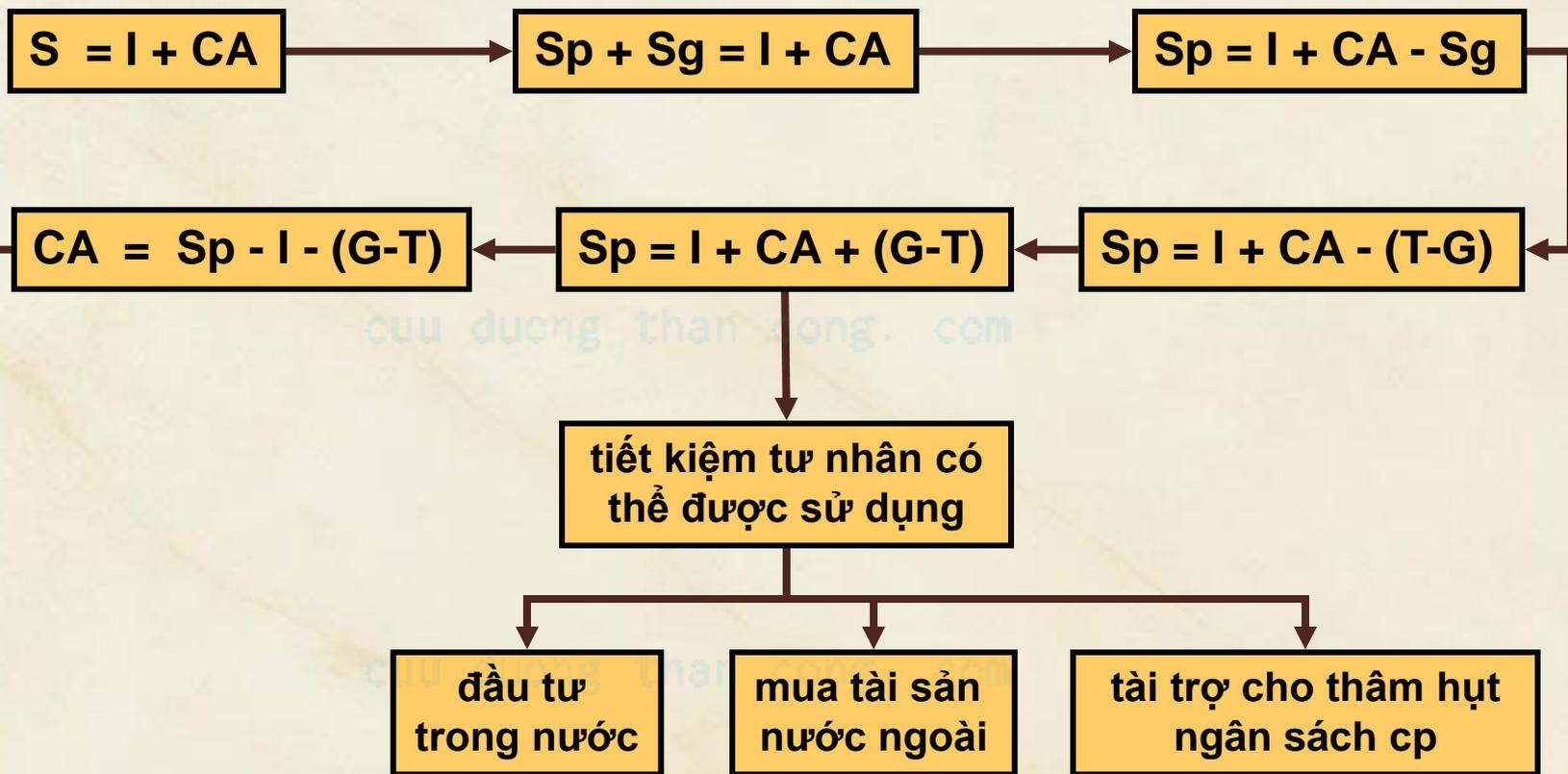
Tiết kiệm và tài khoản vãng lai



Trong một nền kinh tế mở, tiết kiệm không nhất thiết phải bằng đầu tư

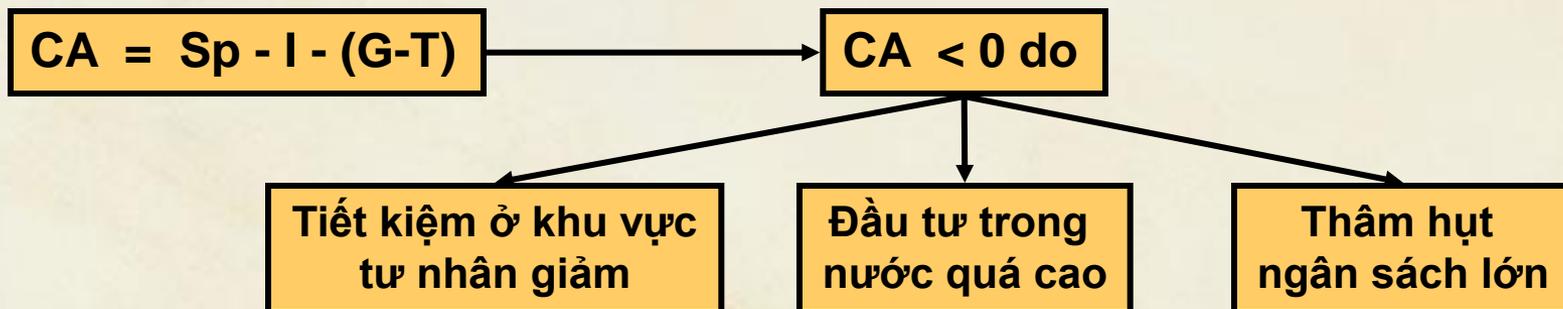


Tiết kiệm tư nhân, tiết kiệm chính phủ và tài khoản vãng lai



các điều kiện khác đều như nhau, CA sẽ phụ thuộc vào sự thay đổi của tiết kiệm tư nhân, đầu tư trong nước và chi tiêu của chính phủ.

Tiết kiệm tư nhân, tiết kiệm chính phủ và tài khoản vãng lai



Ví dụ:

✓ 1994 - 1995, Mexico: $Sp \downarrow + (G - T) \uparrow \rightarrow CA \downarrow \rightarrow$ phá giá đồng Pêso

✓ 1997, Đông Á: - Sp quá cao (30 – 35% GDP)

- I quá mức nhưng lại không hiệu quả (đầu vào bất động sản và thị trường chứng khoán)

- (G – T): có nước thâm hụt lớn, có nước có thặng dư

\rightarrow CA bị thâm hụt lớn \rightarrow khủng hoảng tài chính ở các nước Đông Á

Những biện pháp cơ bản điều tiết sự thâm hụt BoP

Chính sách tiền tệ và tài chính thắt chặt

Chính sách tỷ giá

Chính sách thu hút đầu tư và vay nợ nước ngoài

Chính sách kiểm soát ngoại thương và ngoại hối

Chính sách tiền tệ và tài chính thắt chặt

Chính sách tiền tệ thắt chặt

Chính sách tài chính thắt chặt

lãi suất gia tăng

hạn chế chi tiêu

khuyến khích dòng vốn từ bên ngoài chảy vào

chi tiêu dành cho NK giảm

bù đắp cho thiếu hụt của BoP, tài khoản vãng lai được cải thiện

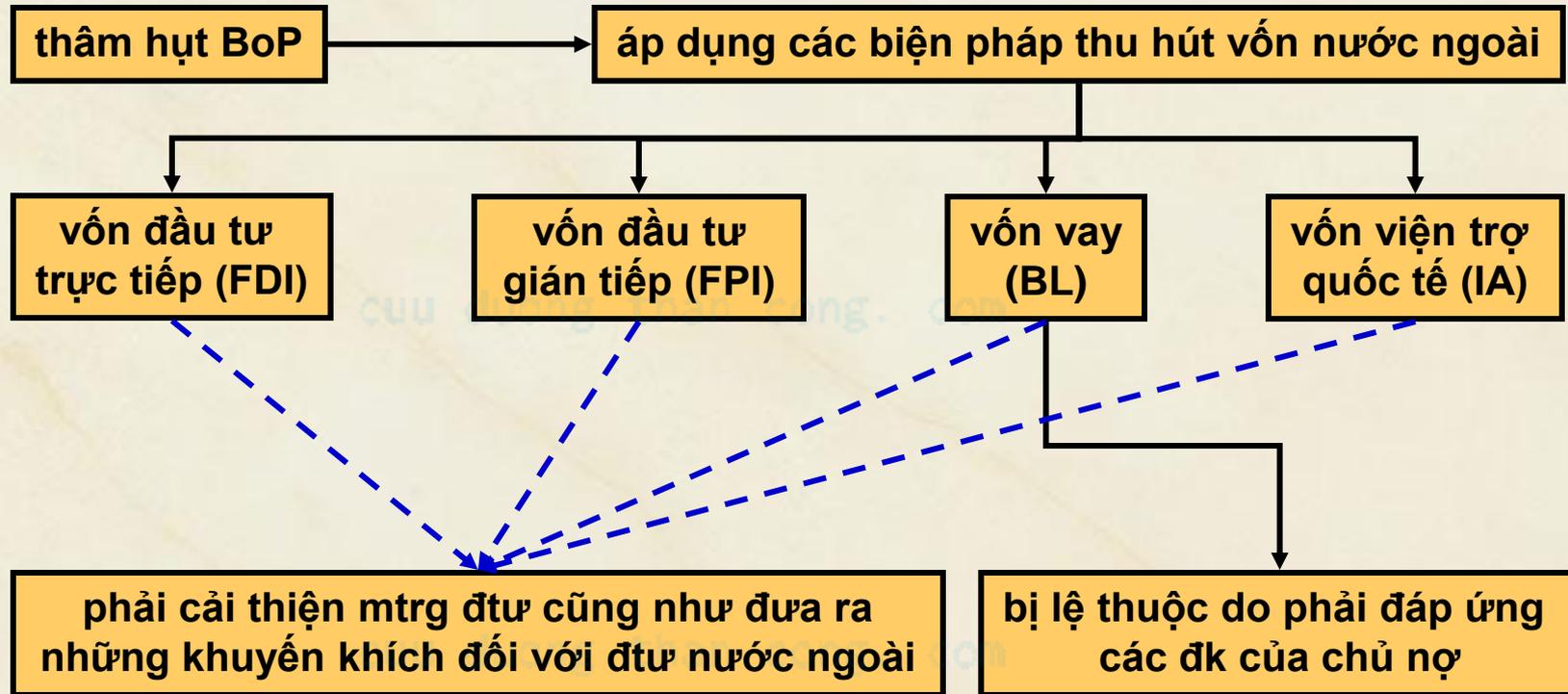
những tác động tiêu cực nhất định tới tăng trưởng và công ăn việc làm

Chính sách tỷ giá



Lưu ý: mức độ tác động của phá giá đối với CA còn phụ thuộc vào một loạt các nhân tố khác như độ nhạy cảm của giá hàng xuất khẩu và nhập khẩu cũng như của tiêu dùng trong nước đối với sự thay đổi của tỷ giá...

Chính sách thu hút đầu tư và vay nợ nước ngoài



Lưu ý: nếu sự thâm hụt của CA chủ yếu được bù đắp bởi vốn vay ngắn hạn hoặc vốn đầu gián tiếp, nguy cơ khủng hoảng BoP rất dễ xảy ra, đặc biệt khi dòng vốn bị đảo ngược dưới tác động của những cú sốc bên trong cũng như bên ngoài.

Chính sách kiểm soát ngoại thương và ngoại hối

Xét trên khía cạnh lý thuyết, chính sách kiểm soát ngoại thương có mục đích khuyến khích XK và hạn chế NK. Tuy nhiên, trên thực tế, chính sách này chủ yếu nhằm vào việc kiểm soát NK thông qua các chính sách như hạn chế khối lượng, hạn chế hoặc cấm đoán mặt hàng NK, thực hiện chế độ cấp phép NK, chế độ thuế quan đánh vào hàng NK...

Chính sách kiểm soát ngoại hối được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như đưa ra các quy định về kết hối buộc các nhà XK phải bán ngoại tệ thu được cho NHTW và các nhà NK phải xin phép NHTW mới được mua ngoại tệ; kiểm soát sự di chuyển của dòng vốn ra hoặc vào trong nước...

Bên cạnh những tác động tích cực, các biện pháp kiểm soát trực tiếp như đã nêu trên thường dẫn đến sự méo mó của thị trường như xuất hiện thị trường chợ đen, buôn lậu, chế độ đa tỷ giá....

BÀI TẬP

1. Hãy giải thích bằng cách nào các giao dịch sau đây được đưa vào cán cân thanh toán của Mỹ (một lần ở khoản có, một lần ở khoản nợ) và ở trong tài khoản nào?
 - a. Một người Mỹ mua cổ phiếu của một công ty Đức và thanh toán từ tài khoản của anh ta ở một ngân hàng Thụy sĩ.
 - b. Một người Mỹ mua cổ phiếu của một công ty Đức và thanh toán từ tài khoản của anh ta ở một ngân hàng Mỹ.
 - c. Một người Mỹ mua xe ô tô của Đức và thanh toán từ tài khoản của anh ta ở một ngân hàng Mỹ.

cuuduongthancong.com

BÀI TẬP 1

a. Một người Mỹ mua cổ phiếu của một công ty Đức và thanh toán từ tài khoản của anh ta ở một ngân hàng Thụy sĩ.

Mua cổ phiếu của một cty Đức → nhập khẩu giấy nợ của người Đức → ghi vào khoản NỢ của KA

Thanh toán từ tài khoản ở một NH Thụy Sĩ → tài sản của Mỹ ở nước ngoài giảm → ghi vào khoản CÓ của KA

b. Một người Mỹ mua cổ phiếu của một công ty Đức và thanh toán từ tài khoản của anh ta ở một ngân hàng Mỹ.

Mua cổ phiếu của một cty Đức → nhập khẩu giấy nợ của người Đức → ghi vào khoản NỢ của KA

Thanh toán từ tài khoản ở một NH Mỹ → xuất khẩu dịch vụ → ghi vào khoản CÓ của CA

c. Một người Mỹ mua xe ô tô của Đức và thanh toán từ tài khoản của anh ta ở một ngân hàng Mỹ.

Mua xe ô tô của Đức → Nhập khẩu hàng hóa → ghi vào khoản NỢ của CA

Thanh toán từ tài khoản ở một NH Mỹ → ghi vào khoản CÓ của CA

BÀI TẬP

2. Giao dịch nào trong số những giao dịch sau đây làm tăng thặng dư cán cân tài khoản vãng lai của Việt Nam?

- a. Hãng hàng không "Vietnam Air Line" ký hợp đồng hàng đổi hàng với Mỹ: đổi một chiếc máy bay TU cũ trị giá 500.000 USD lấy 1 chuyến du lịch trọn gói cho nhân viên của mình ở Ha Oai.**
- b. Việt Nam vay tiền của Cô-oét để mua dầu của nước này trong vòng 1 năm với trị giá 1.000.000 USD.**
- c. Việt Nam cho Lào vay 1.000.000 USD để nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ từ Việt Nam trong vòng 1 năm.**

cuuduongthancong.com

BÀI TẬP 2

a. Hãng hàng không "Vietnam Air Line" ký hợp đồng hàng đổi hàng với Mỹ: đổi một chiếc máy bay TU cũ trị giá 500.000 USD lấy 1 chuyến du lịch trọn gói cho nhân viên của mình ở Ha Oai.

VN đổi máy bay với Mỹ → VN xk máy bay → ghi vào khoản CỐ của CA → CA tăng
VN đi du lịch → nk dịch vụ từ Mỹ → ghi vào khoản NỢ của CA → CA giảm
→ CA không thay đổi

b. Việt Nam vay tiền của Cô-oét để mua dầu của nước này trong vòng 1 năm với trị giá 1.000.000 USD.

VN vay tiền của Cô-oét → dòng vốn chảy vào → ghi vào khoản CỐ của KA
VN nhập khẩu dầu → ghi vào khoản NỢ của CA → CA giảm
→ CA bị thâm hụt

c. Việt Nam cho Lào vay 1.000.000 USD để nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ từ Việt Nam trong vòng 1 năm.

VN cho Lào vay → dòng vốn chảy ra → ghi vào khoản NỢ của KA
VN xuất khẩu hàng hóa cho Lào → ghi vào khoản CỐ của CA → CA tăng
→ CA thặng dư

BÀI TẬP

3. Cán cân thương mại của nước A (triệu USD) đạt mức âm 110, tài khoản vãng lai: âm 105. Mức gia tăng của dự trữ ngoại tệ chính thức là âm 5. Kết luận nào trong số những kết luận sau đây là không đúng:

- a. Cán cân quyết toán chính thức bằng 5
- b. Dịch vụ, thu nhập từ đầu tư ròng và dịch chuyển đơn phương ròng có giá trị dương.
- c. Vốn đã chảy vào nước A
- d. Ở nước A tiết kiệm quốc dân lớn hơn đầu tư.

BÀI TẬP 3

Cán cân TM của nước A (triệu USD) = - 110, CA = - 105. Mức gia tăng của dự trữ ngoại tệ chính thức là âm 5.

Cán cân quyết toán chính thức = 5 → a đúng

Dịch vụ, thu nhập từ đầu tư ròng và dịch chuyển đơn phương ròng
= CA - cán cân TM = -105 - (-110) = 5 → b đúng

Cán cân quyết toán chính thức = 5 = CA + KA + sai số...
CA = - 105 < 0 → KA > 0 → dòng vốn chảy vào → c đúng

S = I + CA; CA < 0 → S < I → d sai

BÀI TẬP

5. Dựa trên những thông tin sau về cán cân thanh toán ở nước A (tỷ USD):

Hãy tính:

- Cán cân thương mại hữu hình
- Cán cân tài khoản vãng lai
- Cán cân tài khoản vốn
- Cán cân quyết toán chính thức

Xuất khẩu hàng hoá	+ 80
Nhập khẩu hàng hoá	- 60
Xuất khẩu dịch vụ	+ 30
Nhập khẩu dịch vụ	- 20
Thu nhập từ đầu tư ròng	- 10
Dịch chuyển đơn phương ròng	+ 20
Vốn chảy vào	+ 20
Vốn chảy ra	- 80
Dự trữ chính thức	+ 20

BÀI TẬP

5. Dựa trên những thông tin sau về cán cân thanh toán ở nước A (tỷ USD):

- a. Cán cân thương mại hữu hình: + 20
- b. Cán cân tài khoản vãng lai: + 40
- c. Cán cân tài khoản vốn: - 60
- d. Cán cân quyết toán chính thức: - 20

Xuất khẩu hàng hoá	+ 80
Nhập khẩu hàng hoá	- 60
Xuất khẩu dịch vụ	+ 30
Nhập khẩu dịch vụ	- 20
Thu nhập từ đầu tư ròng	- 10
Dịch chuyển đơn phương ròng	+ 20
Vốn chảy vào	+ 20
Vốn chảy ra	- 80
Dự trữ chính thức	+ 20

